

2. Người bị kiện: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Xuân N - Phó Trưởng ban, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Luật sư Vũ Kim H - Công ty luật TNHH HQC, thuộc đoàn luật sư tỉnh Hà Nam, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh B; đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Hữu T - Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp (KCN) tỉnh B: Ông Đặng Đình T - Giám đốc công ty phát triển hạ tầng; địa chỉ: Lô HC, khu phía Bắc KCN S, xã K, thành phố B, tỉnh B, có mặt.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn F Việt Nam; địa chỉ: Phòng 12, Tòa HL, ngõ 82 đường D, phường V, quận C, thành phố H; đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Hoàng B - Nhân viên pháp chế công ty, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh V (sau đây viết tắt là Công ty V) trình bày:

Ngày 02/11/2004, Công ty V được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số 2400333367, mã ngành 2431 (chính), tên ngành: Đúc sắt, thép; chi tiết: Mua bán, đúc, nấu luyện, cán, kéo thép, phôi thép, các sản phẩm thép.

Ngày 26/7/2005, Chủ tịch UBND tỉnh B chấp thuận đầu tư dự án xây dựng “*Nhà máy Cơ khí và mạ kẽm nhúng nóng*” tại khu công nghiệp Đ, tỉnh B theo Công văn số 1073/CT-CN.

Theo Hợp đồng thuê lại đất số 19/2005/HĐKT ký ngày 20/10/2005 giữa Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh B và Công ty V thì Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh B (sau đây viết tắt là Công ty hạ tầng) cho Công ty V thuê lại 40.185m² đất tại khu công nghiệp Đ để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy cơ khí, mạ kẽm nhúng nóng, vị trí tại lô số C12, C13 và C14; thời gian thuê 50 năm.

Ngày 23/11/2005, Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh B ban hành Quyết định số 59/QĐ-KCN chấp thuận đầu tư bổ sung cho Công ty V đầu tư bổ sung dây chuyền luyện, cán thép tại nhà máy cơ khí và mạ kẽm nhúng nóng của Công ty V trong khu công nghiệp, theo các nội dung: Đổi tên dự án: “*Nhà máy cơ khí và mạ kẽm nhúng nóng*” thành “*Nhà máy cơ khí luyện, cán thép mạ kẽm nhúng nóng*”. Tiến độ đầu tư: Nhà máy cơ khí và mạ kẽm nhúng nóng: Xây dựng quý

1/2004 hoàn thành quý III/2004. Dây chuyền luyện, cán thép: Xây dựng quý 1/2006, hoàn thành đưa vào sản xuất quý III/2006.

Ngày 27/3/2006, Công ty V được Chủ tịch UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 512/GCN-UBND.

Trong quá trình thực hiện dự án, Công ty V đã huy động vốn để xây dựng nhà xưởng, cơ sở hạ tầng, tường bao và các công trình phụ trợ khác cũng như mua thiết bị chuyên dụng để đưa vào sản xuất theo ngành nghề đã đăng ký.

Sau một thời gian hoạt động, Công ty V đã tìm đối tác liên doanh nhằm tránh phá sản là Công ty cổ phần may xuất khẩu G (sau đây viết tắt là Công ty G) để cùng liên doanh sản xuất bao bì carton và kho nguyên liệu phụ để phục vụ cho ngành may. Ngày 26/01/2015, Công ty G đã có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh B và Ban quản lý các KCN tỉnh B nhưng không được chấp thuận bởi Công văn số 506/KCN-ĐT ngày 28/7/2015 của Ban quản lý các KCN.

Ngày 03/8/2015, Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty V và Quyết định số 44/QĐ-KCN về việc thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V.

Ngày 22/4/2016, Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 9835384345 cho Công ty F tại các lô C12, C13, C14 khu công nghiệp Đ, xã Hoàng N, huyện Y, tỉnh B mà trước đó đã cấp cho Công ty V.

Ngày 01/7/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh V khởi kiện, sau đó khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B: Hủy Quyết định số 43/QĐ-KCN về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty V và Quyết định số 44/QĐ-KCN về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V. Trả lại địa vị pháp lý cho Công ty V. Bồi thường thiệt hại cho Công ty V theo quy định của pháp luật. Hủy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9835384345 đã cấp cho Công ty F.

Theo Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B: Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B được ban hành đúng quy định pháp luật căn cứ Điều 41, Điều 48 Luật đầu tư năm 2014; khoản 2 Điều 41 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ và Điều 4 Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 30/7/2008 của UBND tỉnh B về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh B.

Về xử lý tài sản trên đất: Thực hiện theo hợp đồng thuê đất ký kết giữa Công ty V và Công ty hạ tầng KCN tỉnh B.

Về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư cho Công ty F: Theo Hợp đồng thuê đất số 19/2005/HĐKT ký ngày 20/10/2005 giữa Công ty hạ tầng và Công ty V quy định: Trường hợp chấm dứt hợp đồng thuê lại đất trước thời hạn do lỗi của bên B thì bên B (Công ty V) có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời các công trình để bàn giao mặt bằng cho bên A (Công ty hạ tầng) trong vòng 30 ngày. Trường hợp bên A tháo dỡ thì bên B phải bồi hoàn các chi phí liên quan đến việc tháo dỡ đó; sau khi có Thông báo chấm dứt hợp đồng thuê đất với Công ty V, Công ty hạ tầng đã có văn bản chấp thuận cho Công ty F khảo sát thuê lại diện tích đất tại các Lô C12, C13, C14 khu công nghiệp Đ.

Ban quản lý các KCN tỉnh B đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án Nhà máy kết cấu thép FUJI Việt Nam của Công ty F có mã số dự án 9835384345 ngày 22/5/2016. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

Theo Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh B: Tại Biên bản làm việc ngày 24/02/2016, Công ty V còn nợ số tiền: 1.573.258.410 đồng. Năm 2016, Công ty V chưa di chuyển tài sản và trả lại mặt bằng nên vẫn phải nộp tiền sử dụng hạ tầng và tiền thuê đất có hạ tầng năm 2016 với tổng số tiền là 792.649.125 đồng. Tính đến ngày 13/12/2016, Công ty V còn phải thanh toán cho Công ty hạ tầng tổng số tiền là 2.365.907.535 đồng.

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh B: Căn cứ Kết luận thanh tra số 785/KL-UBND ngày 04/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc thanh tra dự án “*Nhà máy cơ khí luyện, cán thép và mạ kẽm nhúng nóng*” của Công ty V và tình hình khắc phục sau kết luận thanh tra; đến ngày 03/8/2015, Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh B đã ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty V và Quyết định số 44/QĐ-KCN về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V.

Tính đến quý III/2006, Công ty V không có khả năng thực hiện tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư, cụ thể: Nhà đầu tư chưa thực hiện đúng và đầy đủ mục tiêu sản xuất cơ khí và nhúng mạ kẽm; chưa thực hiện cán thép theo nội dung dự án đầu tư được chấp thuận. Mặt khác, sau 90 ngày kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra, nhà đầu tư cũng không thực hiện giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định, trong khi đó Ban quản lý các KCN, Công ty hạ tầng đã tổ chức lập biên bản làm việc, có công văn yêu cầu nhà đầu tư chấp hành theo kết luận thanh tra và đưa dự án vào hoạt động nhưng Công ty V vẫn không thực hiện theo kết luận thanh tra và không khắc phục để đưa dự án vào hoạt động. Đối chiếu với điểm g khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 41 của Luật đầu tư năm 2014; điểm c khoản 2 Điều 41 của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh B đã ban hành

Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN là đúng quy định của pháp luật.

Theo Công ty trách nhiệm hữu hạn F Việt Nam: Công ty F không biết về Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh B. Ngày 21/12/2015, Công ty F có Văn bản số 15/2015-CV về việc đăng ký khảo sát địa điểm đầu tư nhà máy kết cấu thép Fuji Việt Nam tại lô đất C12, C13, C14 KCN Đ. Theo Công văn số 21/CTPTHT-KHKT ngày 05/02/2016, Công ty F được Ban quản lý các KCN tỉnh B chấp thuận cho khảo sát đầu tư tại 03 lô đất trên.

Ngày 22/4/2016, Công ty F được Ban quản lý các KCN tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9835384345. Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Công ty F đã thực hiện việc ký kết hợp đồng kinh tế nhập khẩu thiết bị máy móc phục vụ việc thực hiện dự án, đồng thời ký kết hợp đồng kinh tế cung cấp sản phẩm cho đối tác, nhằm sớm đưa dự án vào hoạt động. Tuy nhiên, hiện tại Công ty F vẫn chưa nhận được bàn giao mặt bằng, không chỉ gây thiệt hại về kinh tế cho công ty, cũng như ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của các nhà đầu tư Nhật Bản.

Theo Công ty cổ phần may xuất khẩu G: Cuối năm 2014, đầu năm 2015, Công ty cổ phần may xuất khẩu G có làm việc với Công ty V; Công ty G đề nghị mua lại tài sản trên đất của Công ty V tại khu công nghiệp Đ để triển khai dự án đầu tư sản xuất bao bì carton và hệ thống kho nguyên liệu để phục vụ cho ngành may. Ngày 26/6/2015, Công ty G có gửi đơn đến Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B và UBND tỉnh B đề nghị đầu tư để chuyển giao dự án tại địa điểm của công ty V tại KCN Đ. Tuy nhiên đề nghị trên không được chấp thuận bởi Công văn số 506/KCN-ĐT ngày 28/7/2015 của Ban quản lý các KCN tỉnh B; Công ty G không có ý kiến gì về nội dung vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 03/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 30, Điều 32, Điều 33, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 120, Điều 121, Điều 122, Điều 125, Điều 158, khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 33, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 41, Điều 48 Luật đầu tư 2014, Điều 37 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008, Điều 21 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006; Điều 28, Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày

12/11/2015 điều của Chính Phủ; Điều 4 Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN tỉnh B, quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Liên doanh V (do ông Nguyễn Kiêm T - đại diện theo pháp luật, ông Nguyễn Thành K đại diện theo ủy quyền) về việc yêu cầu Tòa án: Hủy bỏ các Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B; trả lại địa vị pháp lý cho Công ty TNHH liên doanh V; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9835384345 đã cấp cho Công ty TNHH F Việt Nam.

Đình chỉ yêu cầu Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH Liên doanh V theo quy định pháp luật của người khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2017, ông Nguyễn Kiêm T - người đại diện pháp luật của Công ty V có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Theo ý kiến của Công ty V: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã vi phạm Điều 160 Luật Tổ tụng hành chính về phát biểu có tính định hướng giải quyết vụ án. Trưởng Ban quản lý khu công nghiệp ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN là vi phạm thẩm quyền, hình thức. Công ty V đã đầu tư nhiều tỷ đồng vào dây chuyền sản xuất thép, sau nhiều năm hoạt động có lãi và thu xếp cho hàng trăm lao động địa phương vào làm việc cho Công ty; Công ty đã xây dựng 22/24 hạng mục đầu tư, chỉ còn 02 hạng mục chưa thực hiện. Theo Hợp đồng thuê đất số 19/2005/HĐKT, Công ty phải nộp tiền thuê đất từ tháng 2/2004 đến tháng 2/2012 (08 năm) là 96.444USD, đến nay đã chấp hành đầy đủ. Về các loại thuế khác Công ty đã được Cục thuế tỉnh B thanh tra thuế và đã có kết luận từ ngày 01/5/2005 đến ngày 31/12/2010 đã nộp 319.673.455 đồng, chấp hành đảm bảo theo quy định; cáo buộc Công ty nợ 1,57 tỷ đồng là không đúng. UBND tỉnh B không chấp thuận việc chuyển đổi mục đích kinh doanh làm ảnh hưởng đến Công ty. Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN là vi phạm nội dung, hình thức và không đúng thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN; hủy quyết định chấp thuận đầu tư của công ty F.

Theo ý kiến của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B: Theo Kết luận thanh tra số 758/KL-UBND ngày 04/4/2013 của UBND tỉnh B thì dự án của Công ty V đã chậm tiến độ là 60 tháng; mới chỉ hoạt động mục tiêu luyện, đúc

phôi thép vào hoạt động; chưa thực hiện các mục tiêu sản xuất cơ khí và nhúng mạ kẽm; vốn đầu tư mới chỉ huy động được khoảng 53/233 tỷ đồng; Công ty V chưa thực hiện đúng tiến độ theo Quyết định số 59/QĐ-KCN. Hai nhà xưởng 7A và 7B xin cấp phép xây dựng từ tháng 8/2011 nhưng chưa xây dựng và thời hạn của giấy phép đã quá 12 tháng. Phần đất xây dựng của 02 nhà xưởng 7A và 7B diện tích khoảng 4.500m² chưa đưa vào sử dụng mặc dù đã chậm quá 24 tháng theo hợp đồng thuê lại đất. UBND tỉnh B đã có nhiều văn bản đề nghị Công ty V thực hiện đúng tiến độ theo giấy chứng nhận đầu tư, nhưng Công ty V đã không thực hiện; Công ty V không thực hiện giãn tiến độ đầu tư, tạm dừng đầu tư; chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước khoảng 1,57 tỷ đồng. Công ty V đã vi phạm nhiều quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai; dự án của Công ty V chậm tiến độ 85 tháng, không báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh từ tháng 5/2014. Sai phạm của Công ty V là có hệ thống không thể khắc phục và làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng hiệu quả đất, ảnh hưởng tới nhiều yếu tố kinh tế xã hội tại địa phương. Việc khắc phục những khó khăn của Công ty V theo phương thức hợp tác với Công ty cổ phần may mặc xuất khẩu G để xây dựng nhà máy sản xuất bao bì carton và kho nguyên liệu phục vụ ngành may là không phù hợp quy hoạch phân lô của KCN Đ. Do Công ty V không có khả năng, không thực hiện việc khắc phục sai phạm và Ban quản lý các KCN tỉnh B quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư là hoàn toàn có cơ sở.

Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B đã được ủy quyền hợp pháp cũng như giao chức năng cấp, điều chỉnh và thu hồi cả các văn bản chấp thuận đầu tư mà Chủ tịch UBND tỉnh B đã chấp thuận cho các nhà đầu tư là có cơ sở pháp lý và không trái với các quy định của pháp luật có hiệu lực vào thời điểm đó cũng như tính đến thời điểm Ban quản lý các KCN ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN. Theo quy định Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP thì Ban quản lý các KCN tỉnh B có đủ thẩm quyền và cơ sở pháp lý để chấm dứt hoạt động của Công ty V.

Sau khi ra các quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, Ban quản lý các KCN tỉnh B đã có Văn bản số 527/KCN-ĐT ngày 06/8/2015 về việc thanh lý tài sản trên đất và hợp đồng thuê đất, đã yêu cầu Công ty V thanh lý tài sản trên đất. UBND tỉnh B có Văn bản số 1899/UBND-KT ngày 05/7/2016 về việc định giá tài sản đã đầu tư trên đất của Công ty V và giao cho Ban quản lý các KCN hướng dẫn Công ty V và nhà đầu tư mới thỏa thuận thanh toán chênh lệch giá trị tài sản sau khi đã đối trừ đi các khoản tiền nợ ngân sách. Công ty hạ tầng đã có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty

V. Ngày 05/02/2016, Công ty hạ tầng có Văn bản số 21/CTPTHT-KHKT đồng ý để Công ty F khảo sát địa điểm đầu tư và nghiên cứu đầu tư tại các lô đất C12, C13, C14; Ban quản lý các KCN đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký đầu tư theo đúng quy định. Theo quy định tại Điều 33, Điều 37 Luật đầu tư về địa điểm cũng chỉ cần tài liệu xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư, mà không quy định nhà đầu tư phải có hợp đồng thuê đất hay các tài liệu cụ thể khác. Dự án của Công ty F đã được thực hiện đúng quy trình thẩm định.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Việc tuân theo pháp luật Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 41, Điều 48 Luật đầu tư thì Ban quản lý các KCN tỉnh B là cơ quan có thẩm quyền chấm dứt hoạt động dự án đầu tư và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V. Tuy nhiên, Trưởng Ban quản lý KCN ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN là không đúng thẩm quyền, sai sót về hình thức, nhưng không làm thay đổi bản chất của 02 quyết định, bản án sơ thẩm cũng đã nhận định và rút kinh nghiệm với đơn vị ban hành văn bản hành chính là đầy đủ.

Tại Kết luận thanh tra số 785/KL-UBND ngày 04/4/2013 của UBND tỉnh B đối với Công ty V đã kết luận: Kết quả thực hiện dự án, đến nay nhà đầu tư đã triển khai thực hiện dự án và đưa mục tiêu luyện, đúc phôi thép vào hoạt động từ tháng 6/2006; chưa thực hiện mục tiêu sản xuất cơ khí và nhúng mạ kẽm; chưa thực hiện cán thép theo nội dung dự án đầu tư được chấp thuận; vốn đầu tư thực hiện đạt khoảng 53/233 tỷ đồng; tiến độ thực hiện dự án chậm khoảng 60 tháng so với dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Công ty V đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư, đất đai và chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Ngày 22/4/2015, Ban quản lý các KCN có Công văn số 271/KCN-DN về việc nhắc nhở thực hiện dự án đầu tư của Công ty V. Theo Biên bản ghi nhớ ngày 19/5/2015 giữa Công ty V với Công ty cổ phần may xuất khẩu G thể hiện: "... Doanh nghiệp đã ngừng sản xuất từ đầu năm 2014. Hiện tại, Công ty TNHH Liên doanh V không có kế hoạch khôi phục lại sản xuất thép cũng như không có kế hoạch sản xuất ngành nghề gì khác tại địa điểm đất được thuê tại lô CI2, CI 3, CI4 Khu công nghiệp D, tỉnh B... ”.

Như vậy, đã quá thời hạn hoàn thành nhiều năm, Công ty V không có khả năng thực hiện tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư, vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư; không thực hiện theo kết luận thanh tra và không khắc phục để đưa dự án vào hoạt động. Quyết định số 43/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư là có căn cứ theo quy định tại Điều 48 Luật đầu tư năm 2014. Dự án đầu tư chấm dứt thì Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phải được thu hồi; Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V là có căn cứ theo quy định tại Điều 41 Luật đầu tư năm 2014; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty V hủy 02 quyết định nêu trên.

Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 cấp cho Công ty F: Theo quy định tại Điều 38 Luật đầu tư; Điều 28 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Điều 4 Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh B thì Ban quản lý có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Công ty F. Sau khi ra các quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, ngày 06/8/2015, Ban quản lý đã có Văn bản số 527/KCN-ĐT yêu cầu Công ty V thanh lý tài sản trên đất và hợp đồng thuê đất. Ngày 21/12/2015, Công ty F có văn bản đề nghị được khảo sát địa điểm đầu tư nhà máy kết cấu thép F tại lô đất C12, C13, C14 KCN Đ; ngày 24/02/2016, Ban quản lý có văn bản đồng ý để Công ty F khảo sát địa điểm đầu tư tại KCN Đ.

Ngày 24/02/2016, Ban quản lý, Công ty hạ tầng và Công ty V đã làm việc và thống nhất: Sau khi thanh lý xong giá trị tài sản còn lại đã đầu tư trên đất, Công ty V sẽ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ngày 28/3/2016, Công ty hạ tầng đã có Văn bản số 56/CTPTHT-KT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty V tại Lô C12, C13, C14 KCN Đ. Sau khi xem xét, thẩm tra hồ sơ dự án đầu tư Nhà máy kết cấu thép F Việt Nam, Ban quản lý đã lấy ý kiến thẩm định của cơ quan Nhà nước có liên quan về các nội dung được quy định tại khoản 6 Điều 33 Luật đầu tư. Trên cơ sở quyết định chấm dứt hoạt động dự án đầu tư và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty V; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của Thường trực Tỉnh ủy B, Ban quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 cho Công ty F là có căn cứ theo quy định tại Điều 34, Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Luật đầu tư.

Công ty V kháng cáo cho rằng đất chưa thu hồi nhưng cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F thì thấy rằng: Tại điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật đầu tư quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh thì hồ sơ dự án cần có “...*đề xuất nhu cầu sử dụng đất*...”, không quy định bắt

buộc nhà đầu tư phải có hợp đồng thuê đất. Việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F trên lô đất đã cho Công ty V thuê không có nghĩa khẳng định quyền sử dụng lô đất cho Công ty F, mà trách nhiệm của Công ty F và Ban quản lý là xử lý tài sản trên đất rồi mới ký hợp đồng thuê đất (công văn số 21 của Công ty hạ tầng). Các vấn đề liên quan đến bồi thường (bao gồm cả tài sản trên đất), Công ty V đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị giải quyết trong cùng vụ án này, nếu chứng minh được thiệt hại thì Công ty V có quyền khởi kiện sau. Do vậy, việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty V (nếu có); các thủ tục thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty V đang được Công ty hạ tầng tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty V đối với nội dung trên.

Theo quy định tại Điều 190 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; như vậy, kháng cáo của Công ty V về nội dung này là không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1]. Về tố tụng: Quyết định số 43/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty V; Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9835384345 cấp cho Công ty F là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý vụ án để giải quyết là đúng quy định, đảm bảo thời hiệu và thẩm quyền theo quy định tại các Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 116 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 43/QĐ-KCN, Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B.

[2.1.1]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN: Căn cứ Điều 38, Điều 41, Điều 48 Luật đầu tư, Điều 37 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ, Điều 4 Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh B xác định Ban quản lý các KCN có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cũng như thu hồi giấy chứng nhận đầu tư; việc Trưởng Ban quản lý KCN tỉnh B ban hành 02 quyết định nêu trên là có vi phạm thẩm quyền nhưng không làm thay đổi bản

chất của 02 quyết định; Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định Ban quản lý các KCN tỉnh B cần rút kinh nghiệm là đúng.

[2.1.2]. Về trình tự, thủ tục, căn cứ ban hành và nội dung Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN: Quyết định số 59/QĐ-KCN ngày 23/11/2005 về việc chấp thuận đầu tư bổ sung cho Công ty V của Ban quản lý đã thể hiện nội dung tiến độ đầu tư; theo đó, nhà máy cơ khí và mạ kẽm nhúng nóng xây dựng quý I/2004 hoàn thành quý III/2004; dây chuyền luyện, cán thép xây dựng quý I/2006, hoàn thành đưa vào sản xuất quý III/2006. Ngày 04/4/2013, UBND tỉnh B có Kết luận thanh tra số 785/KL-UBND; phần 1.2 có nêu: Kết quả thực hiện dự án, đến nay nhà đầu tư đã triển khai thực hiện dự án và đưa mục tiêu luyện, đúc phôi thép vào hoạt động từ tháng 6/2006. Chưa thực hiện mục tiêu sản xuất cơ khí và nhúng mạ kẽm; chưa thực hiện cán thép theo nội dung dự án đầu tư được chấp thuận; vốn đầu tư thực hiện đạt khoảng 53/233 tỷ đồng; tiến độ thực hiện dự án chậm khoảng 60 tháng so với dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Tại phần III. 2. 2.1 điểm a có nêu rõ hạn chế, sai phạm của Công ty V và yêu cầu chủ đầu tư khắc phục tồn tại, thiếu sót đã nêu tại mục III theo quy định của pháp luật.

[2.1.3]. Công ty V đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư, đất đai và chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Biên bản làm việc ngày 08/4/2015 giữa Ban quản lý và Công ty V đã thống nhất nội dung: Công ty V chậm tiến độ đầu tư khoảng 85 tháng, sử dụng đất không hiệu quả, vi phạm các quy định của pháp Luật đầu tư. Công ty V không báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh về Ban quản lý từ tháng 5/2014 và hiện nay Công ty V đã ngừng hoạt động sản xuất; Công ty V chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước về tiền thuê lại đất có hạ tầng, tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải với số tiền khoảng 1,57 tỷ đồng; Công ty V chưa có phương án cụ thể về đầu tư, sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Ngày 22/4/2015, Ban quản lý có Công văn số 271/KCN-DN về việc nhắc nhở thực hiện dự án đầu tư của Công ty V.

[2.1.4]. Tại Biên bản ghi nhớ ngày 19/5/2015 giữa Công ty V với Công ty cổ phần may xuất khẩu G thể hiện: “... *Doanh nghiệp đã ngừng sản xuất từ đầu năm 2014. Hiện tại Công ty TNHH Liên doanh V không có kế hoạch khôi phục lại sản xuất thép cũng như không có kế hoạch sản xuất ngành nghề gì khác tại địa điểm đất được thuê tại lô CI2, CI 3, CI4 Khu công nghiệp Đ, tỉnh B...*”. Như vậy, đã quá thời hạn hoàn thành nhiều năm, Công ty V không có khả năng thực hiện tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư, vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư; không thực hiện theo Kết luận thanh tra và không khắc phục để

đưa dự án vào hoạt động. Do đó, Quyết định số 43/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 chấm dứt hoạt động dự án đầu tư là có căn cứ theo quy định tại Điều 48 Luật đầu tư năm 2014. Dự án đầu tư chấm dứt thì giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phải được thu hồi nên Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V là đúng theo quy định tại Điều 41 Luật đầu tư năm 2014. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V hủy Quyết định số 43/QĐ-KCN; Quyết định số 44/QĐ-KCN và trả lại địa vị pháp lý cho Công ty V là có căn cứ.

[2.2]. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 đã cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn F Việt Nam:

[2.2.1]. Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư: Căn cứ Điều lệ Công ty F tại thời điểm đăng ký cấp GCN đầu tư, Điều 3, Điều 23, Điều 36 Luật đầu tư xác định dự án đăng ký đầu tư của Công ty F thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Ban quản lý các KCN tỉnh B có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Công ty F theo quy định tại Điều 38 Luật đầu tư; Điều 28 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ; Điều 4 Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh B.

[2.2.2]. Về trình tự, thủ tục, căn cứ, cấp GCN đầu tư: Công ty F tại thời điểm cấp GCN đăng ký đầu tư là doanh nghiệp (tổ chức kinh tế) có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó thành viên góp vốn là Công ty CP C chiếm giá trị phần vốn góp là 96%. Công ty F được cấp đăng ký lần đầu ngày 07/3/2012, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 15/12/2015. Công ty F thuộc trường hợp UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 32 Luật đầu tư năm 2014.

[2.2.3]. Sau khi ban hành các quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, ngày 06/8/2015 Ban quản lý đã có Văn bản số 527/KCN-ĐT yêu cầu Công ty V thanh lý tài sản trên đất và hợp đồng thuê đất. Ngày 21/12/2015, Công ty F có văn bản đề nghị được khảo sát địa điểm đầu tư nhà máy kết cấu thép F tại lô đất C12, C13, C14 KCN Đ; ngày 24/02/2016, Ban quản lý có văn bản đồng ý để Công ty F khảo sát địa điểm đầu tư tại KCN Đ. Ngày 24/02/2016, Ban quản lý; Công ty hạ tầng và đại diện Công ty V đã thống nhất: Sau khi thanh lý xong giá trị tài sản còn lại đã đầu tư trên đất, Công ty V sẽ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ngày 28/3/2016, Công ty hạ tầng đã có Văn bản số 56/CTPHT-KT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty V tại Lô C12, C13, C14 KCN Đ.

[2.2.4]. Sau khi xem xét, thẩm tra hồ sơ dự án đầu tư Nhà máy kết cấu thép F Việt Nam; Ban quản lý KCN đã lấy ý kiến thẩm định của cơ quan Nhà nước có liên quan về các nội dung được quy định tại khoản 6 Điều 33 Luật đầu tư và có Tờ trình số 12/TTr-KCN ngày 19/4/2016 về việc xin chủ trương đầu tư dự án Nhà máy kết cấu thép FUJI Việt Nam của Nhà đầu tư F Việt Nam trình Thường trực tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 22/4/2016, Thường trực tỉnh ủy B có Văn bản số 226/CV/TU cho ý kiến nhất trí chủ trương đầu tư dự án. Như vậy, trên cơ sở quyết định chấm dứt hoạt động dự án đầu tư và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty V; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của Thường trực tỉnh ủy B, Ban quản lý KCN cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 cho Công ty F là có căn cứ theo quy định tại Điều 34, Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Luật đầu tư.

[2.2.5]. Công ty V kháng cáo cho rằng đất chưa thu hồi nhưng cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F thì thấy: Tại điểm d khoản 1 Điều 33 Luật đầu tư quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh thì hồ sơ dự án cần có: *“Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư”*; không quy định bắt buộc nhà đầu tư phải có hợp đồng thuê đất. Việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F trên lô đất đã cho Công ty V thuê không có nghĩa khẳng định quyền sử dụng lô đất cho Công ty F, mà trách nhiệm của Công ty F và Ban quản lý KCN là xử lý tài sản trên đất rồi mới ký hợp đồng thuê đất (Công văn số 21 của Công ty hạ tầng). Các vấn đề liên quan đến bồi thường (bao gồm cả tài sản trên đất), Công ty V đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị giải quyết trong cùng vụ án này, nếu chứng minh được thiệt hại thì Công ty V có quyền khởi kiện vụ án khác. Do vậy, việc Ban quản lý KCN cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty V (nếu có); các thủ tục thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty V đang được Công ty hạ tầng tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty V đề nghị hủy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 đã cấp cho Công ty F.

[2.2.6]. Theo qui định tại Điều 190 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Công ty V kháng cáo cho rằng đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B vi phạm nghiêm trọng điều 160 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 là không có cơ sở.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện - Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh V; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Về án phí: Công ty trách nhiệm liên doanh V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số AA/2010/000435 ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình